

Số: 35/2024/QĐCNHGT-DS

Tiên Lãng, ngày 07 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1); địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội và bà Phạm Thị M.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đề ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09 tháng 9 năm 2024 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1); địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị V1. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hồng B, chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ Phản ứng nhanh khách hàng cá nhân miền B (theo Văn bản uỷ quyền số 38b/2024/UQN-CTQT ngày 01 tháng 6 năm 2024) và ông Lưu Việt A, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (theo Văn bản uỷ quyền số 4227/2024/UQ-KHCN ngày 06 tháng 8 năm 2024).

Bà Phạm Thị M, sinh năm 1966, nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09 tháng 9 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09 tháng 9 năm 2024, cụ thể như sau:

- Về số tiền nợ: Tính đến ngày 09 tháng 9 năm 2024 bà Phạm Thị M còn nợ V1 số tiền 2.353.587.487 (Hai tỉ ba trăm năm mươi ba triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi bảy) đồng; trong đó: Nợ gốc là 2.288.519.936 đồng, nợ lãi là 64.160.670 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 906.881 đồng.

- Về phương án trả nợ: Chậm nhất là ngày 09/11/2024, bà **M** phải trả **V1** số tiền nợ tính đến ngày 09/9/2024 là 2.353.587.487 (*Hai tỉ ba trăm năm mươi ba triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi bảy*) đồng, bao gồm: Nợ gốc là 2.288.519.936 đồng, nợ lãi là 64.160.670 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 906.881 đồng và phải tiếp tục trả tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 10/9/2024 cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản vay theo lãi suất quy định trong các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết gồm: Hợp đồng cho vay số LN2310060486409 ký ngày 12/10/2023; Hợp đồng cho vay số LN2302238443143, ký ngày 02/3/2023 kèm theo phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ.

- Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp bà **Phạm Thị M** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho **V1** thì **V1** có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa số 876 (tách ra từ Thửa đất số 607/2), tờ bản đồ số 11; địa chỉ: **Tổ dân phố số A, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng**, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 386157, vào sổ cấp Giấy chứng nhận CS 03988 do **Sở Tài nguyên và môi trường thành phố H** cấp ngày 22/6/2021; đã đăng ký biến động chuyển nhượng cho bà **Phạm Thị M** ngày 13/10/2021 tại Văn phòng Đăng ký đất đai – **Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H, Chi nhánh quận H.**

Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ **V1** thì bà **Phạm Thị M** phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ **V1** cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay. Số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm sau khi đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ **V1** còn thừa được trả lại cho bà **Phạm Thị M.**

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- THADS huyện Tiên Lãng;
- Lưu TA.

**THẨM PHÁN**

**Đỗ Thị Xuyên**